

Số: 417/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 17 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 202/TTr-KTHT ngày 25/10/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch

Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.

2. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Xã Thanh Điền nằm ở phía Đông Nam huyện Châu Thành, có tuyến đường Quốc lộ 22B, ĐT.786 đi qua, có ranh giới tiếp giáp xung quanh như sau:

- + Phía Bắc giáp thành phố Tây Ninh và xã Thái Bình.
- + Phía Nam xã Ninh Điền và xã Long Vĩnh.
- + Phía Đông giáp thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh.
- + Phía Tây giáp xã An Bình.
- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 2.421,21ha, bao gồm 7 ấp.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

- Xây dựng xã Thanh Điền trở thành xã theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa được thể hiện ở các đặc trưng: có nền kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, có hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển thương mại và dịch vụ theo quy hoạch, giữ gìn truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, trình độ dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh – chính trị được giữ vững và ổn định, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương.

- Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển nông thôn của Quốc gia và của tỉnh Tây Ninh trên địa bàn xã Thanh Điền.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành, của xã Thanh Điền phù hợp với các định hướng đã đề ra của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và xã nhiệm kỳ 2020-2025;

- Hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Điền theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch nông thôn, phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian toàn xã, phân vùng phát triển kinh tế, hệ thống các điểm dân cư đô thị, dân cư nông thôn, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và giải pháp quy hoạch cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của xã trong mối quan hệ với huyện, tỉnh và các khu vực tiếp giáp xung quanh.

- Tạo quỹ đất để thu hút đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất, tăng thu cho ngân sách địa phương, phục vụ cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn xã Thanh Điền.

4. Tiềm năng, động lực phát triển

- Xã Thanh Điền nằm phía Đông Nam huyện Châu Thành, phía Tây và Nam có sông Vàm Cỏ Đông bao bọc; phía Bắc giáp thành phố Tây Ninh và xã Thái Bình; phía Đông giáp xã Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành tiếp cận với các đô thị lớn của tỉnh Tây Ninh có điều kiện phát triển kinh tế và tạo động lực đô thị hóa nhanh.

- Có các tuyến đường Quốc lộ 22B và đường tỉnh ĐT.786 đi qua, tạo nên tiềm năng phát triển thương mại dịch vụ, giao thương cung cấp các sản phẩm nông nghiệp vào đô thị.

- Phát triển dân cư và các dự án dọc theo Quốc lộ 22B và đường tỉnh ĐT.786.

- Điều kiện khí hậu ổn định, không có mùa đông lạnh, ít gió bão và nguồn tài nguyên tự nhiên của xã thuận lợi cho trồng trọt, chăn nuôi, phát triển kinh tế vườn, đặc biệt ưu tiên phát triển các loại cây chủ lực như: trồng lúa, chuối, xoài, dứa, thanh long, sầu riêng, cam bưởi, nhãn, vải, chôm chôm,... là cơ sở để tạo ra nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào cung cấp cho công nghiệp chế biến của Huyện và của Tỉnh.

- Phía Tây và Nam có sông Vàm Cỏ Đông chảy qua và có hệ thống kênh thủy lợi, kênh rạch tự nhiên khá lớn thuận lợi cho việc tưới tiêu để phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Tiềm năng đất đai cho xây dựng công trình khá lớn do đất nông nghiệp còn nhiều, địa hình bằng phẳng, địa chất ổn định, nền móng cứng.

- Trên địa bàn xã có cụm công nghiệp Thanh Điền dự kiến quy mô xây dựng đến năm 2035 là 59,48ha, tạo điều thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội, phục vụ cho nhu cầu tại chỗ và sản xuất, góp phần tăng thêm thu nhập cho người lao động, giải quyết việc làm và đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn.

- Nguồn lao động trẻ và dồi dào là yếu tố quan trọng cho quá trình hiện đại hóa nông thôn.

5. Tính chất chức năng

- Là xã nông nghiệp kết hợp công nghiệp với thế mạnh truyền thống là trồng lúa và các loại cây ăn quả, hình thành các vùng chuyên canh lúa chất lượng cao.

- Là một trong những đầu mối giao thông quan trọng của xã và huyện (tiếp cận tuyến Quốc lộ 22B).

- Là đô thị loại V giai đoạn 2026 – 2030

6. Thời hạn, tỷ lệ lập quy hoạch

- Thời hạn quy hoạch: quy hoạch đến năm 2035.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/5.000.

7. Dự báo quy mô dân số

Dự kiến quy mô dân số các giai đoạn như sau:

- Quy mô dân số đến năm 2030: 22.000 – 23.000 người.

- Quy mô dân số đến năm 2035: 24.000 – 25.000 người.

8. Định hướng tổ chức không gian xã Thanh Điền

8.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, các khu dân cư

8.1.1. Trung tâm xã

Trung tâm xã Thanh Điền thuộc ấp Thanh Sơn, Thanh Hùng gồm: trụ sở Ủy ban nhân dân, Trung tâm văn hóa – thể thao – học tập cộng đồng, chợ, trạm y tế,...

8.1.2. Các khu dân cư

- Căn cứ theo sự phát triển và phân bố dân cư hiện trạng và các dự án khu dân cư xã Thanh Điền chia thành 04 điểm dân cư tập trung như sau:

a) Điểm dân cư số 1: Điểm dân cư trung tâm xã hiện hữu và mở rộng

- Vị trí: là điểm dân cư trung tâm thuộc các ấp Thanh Sơn, Thanh Hùng, Thanh Đông và Thanh Phước.

- Tính chất:

+ Là điểm dân cư trung tâm xã, kết hợp thương mại – dịch vụ.

+ Là điểm dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang và xây dựng mới với mật độ cao.

+ Là đô thị loại V giai đoạn 2026-2030.

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: 13.300 – 13.500 người.

+ Đến năm 2035: 13.800 – 14.000 người.

- Quy mô diện tích xây dựng:

+ Đến năm 2030: 193,19ha.

+ Đến năm 2035: 222,37ha.

- Không gian khu dân cư: phát triển dọc trục đường QL.22B, ĐT.786, ĐH.09, ĐH.10 và kênh thủy lợi ấp Thanh Đông của xã, kết nối khu vực trung tâm xã và các khu chức năng khác.

- Công trình công cộng gồm có: UBND xã Thanh Điền, trạm y tế xã, Trung tâm văn hóa – thể thao – học tập cộng đồng, Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao (xây mới), Nhà Truyền thống, Nhà văn hóa – khu thể thao các ấp (Thanh Sơn, Thanh Hùng, Thanh Phước); Trường Mẫu giáo Thanh Điền, Mẫu giáo Thanh Điền (cơ sở 2), Mẫu giáo, Trường Tiểu học Thanh Hùng, trường Tiểu học Thanh Điền, Trường THCS Võ Văn Truyền, Các công trình thương mại – dịch vụ; Đề xuất quy hoạch 01 trường THPT; Đề xuất quy hoạch công viên cây xanh; Quy hoạch chợ xã hiện hữu trở thành công viên cây xanh.

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển nhà liền kề cao 2 - 4 tầng tại các tuyến đường chính thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ, đồng thời tạo sự khang trang, hiện đại cho các tuyến đường chính của xã. Các khu vực bên trong khuyến khích xây dựng dạng nhà ở kết hợp sân vườn cao 1 - 2 tầng.

b) Điểm dân cư số 2: Điểm dân cư kết hợp công nghiệp, thương mại, dịch vụ

- Vị trí: là điểm dân cư phía Bắc Quốc lộ 22B, thuộc ấp Thanh Thuận.

- Tính chất: là điểm dân cư có mật độ cao, kết hợp công nghiệp – thương mại – dịch vụ.

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: 3.300 – 3.500 người.

+ Đến năm 2035: 3.800 – 4.000 người.

- Quy mô đất xây dựng:

+ Đến năm 2030: 118,01ha.

+ Đến năm 2035: 151,50ha.

- Không gian khu dân cư: phát triển dọc trục đường QL.22B, ĐT.786 kết hợp cụm công nghiệp Thanh Điền.

- Công trình công cộng gồm có: Bưu điện xã, Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp, Nhà văn hóa – khu thể thao các ấp Thanh Thuận; Trường Tiểu học Thanh Điền (cơ sở 2); Công viên vui chơi giải trí; Sân bóng đá; Trung tâm sát hạch lái xe; Đề xuất quy hoạch công viên cây xanh.

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển nhà liền kề cao 2 - 4 tầng tại các tuyến đường chính QL.22B, ĐT.786 tạo sự khang trang, hiện đại cho xã. Các khu vực bên trong khuyến khích xây dựng dạng nhà ở kết hợp sân vườn với mật độ thấp cao 1 - 2 tầng

c) Điểm dân cư số 3: Điểm dân cư nông thôn

- Vị trí: là điểm dân cư dọc tuyến ĐT.786, thuộc ấp Thanh Đông và Thanh Trung.

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ trung bình.

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: 2.300 – 2.500 người.

+ Đến năm 2035: 3.000 – 3.200 người.

- Quy mô đất xây dựng:

- + Đến năm 2030: 60,18ha.
- + Đến năm 2035: 67,87ha.
- Không gian khu dân cư: phát triển dọc trục đường ĐT.786 và kênh thủy lợi Thanh Đông.
- Công trình công cộng gồm có: Nhà văn hóa – khu thể thao các ấp: Thanh Đông và Thanh Trung; Trường Tiểu học Thanh Trung; Đề xuất quy hoạch công viên cây xanh.
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển nhà liền kề cao 2- 4 tầng và nhà vườn cao 1-2 tầng.

d) Điểm dân cư số 4: Điểm dân cư nông thôn

- Vị trí: là điểm dân cư dọc tuyến ĐH.10, thuộc ấp Thanh Hòa.
- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp.
- Quy mô dân số:
 - + Đến năm 2030: 2.100 – 2.300 người.
 - + Đến năm 2035: 2.500 – 2.800 người.
- Quy mô đất xây dựng:
 - + Đến năm 2030: 48,60ha.
 - + Đến năm 2035: 51,77ha.
- Không gian khu dân cư: phát triển dọc trục đường ĐH.10 và kênh thủy lợi Thanh Đông.
- Công trình công cộng gồm có: Nhà văn hóa – khu thể thao ấp Thanh Hòa; Trường Tiểu học Thanh Trung (cơ sở 2); Đề xuất quy hoạch công viên cây xanh.
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển nhà vườn với mật độ thấp cao 1 - 2 tầng.

e) Dân cư phân tán

- Dân cư hiện hữu sống phân tán dọc theo các tuyến đường hiện hữu của xã, trong các khu vực sản xuất nông nghiệp, dân số khoảng 1.200 – 1.500 người.
- Giải pháp: khoanh vùng, không phát triển thêm, về lâu dài cần có cơ chế thích hợp khuyến khích người dân di dời vào các điểm dân cư tập trung, để thuận lợi cho công tác quản lý cũng như sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Bảng 1. Quy mô các điểm dân cư qua các giai đoạn

Stt	Khu dân cư	Giai đoạn 2030		Giai đoạn 2035		Ghi chú
		Dân số (người)	Diện tích đất xây dựng (ha)	Dân số (người)	Diện tích đất xây dựng (ha)	
1	Điểm dân cư số 1	13.500	193,19	14.000	222,37	Dân cư trung tâm xã
2	Điểm dân cư số 2	3.500	118,01	4.000	151,50	Dân cư mật độ cao, kết hợp công nghiệp-thương mại-dịch vụ
3	Điểm dân cư số 3	2.500	60,18	3.200	67,87	Dân cư mật độ trung bình

Stt	Khu dân cư	Giai đoạn 2030		Giai đoạn 2035		Ghi chú
		Dân số (người)	Diện tích đất xây dựng (ha)	Dân số (người)	Diện tích đất xây dựng (ha)	
4	Điểm dân cư số 4	2.300	48,60	2.800	51,77	Dân cư nhà vườn mật độ thấp
5	Dân cư sống phân tán	1.200	9,56	1.000	7,97	
	Tổng cộng	23.000	429,54	25.000	501,48	

8.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình dịch vụ công cộng

8.2.1. Công trình hành chính

Trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền được xây dựng khang trang, thường xuyên cải tạo, chỉnh trang, đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý hành chính công.

8.2.2. Công trình giáo dục

- Xã Thanh Điền hiện có đầy đủ trường học từ bậc mầm non, tiểu học và trường trung học cơ sở. Tuy nhiên, cần tiếp tục thường xuyên cải tạo, xây dựng mới các lớp học xuống cấp, bổ sung trang thiết bị dạy học, nâng cao chất lượng giảng dạy, mở rộng không gian dành cho các hoạt động ngoài trời, trồng thêm cây xanh, sân tập TDTT cho học sinh. Bố trí thêm quỹ đất mở rộng tại mỗi trường.

- Đến năm 2030, dự báo dân số toàn xã đạt 23.000 người cần thiết xây dựng 01 trường Trung học phổ thông với quy mô khoảng 3ha, tại điểm dân cư số 1, để đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân xã Thanh Điền và cho các xã lân cận.

8.2.3. Các công trình sinh hoạt văn hóa cộng đồng

- Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Học tập cộng đồng.
- Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa 7 ấp.
- Xây dựng mới Trung tâm văn hóa thể dục thể thao kết hợp công viên cây xanh, quy mô 3,9ha, tại điểm dân cư số 1.

8.2.4. Công trình thương mại – dịch vụ

- Đầu tư xây dựng mới Chợ nông sản với quy mô 1,13ha, tại khu dân cư số 1.
- Đầu tư xây dựng các cửa hàng dịch vụ, cửa hàng bách hóa, cửa hàng tiện lợi,... phục vụ cho người dân.

8.2.5. Công viên cây xanh – thể dục thể thao

Xây dựng các hệ thống công viên cây xanh, không gian mở, kết hợp sân tập thể dục thể thao tại các điểm dân cư để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, nghỉ ngơi thư giãn, luyện tập thể dục cho người dân, đồng thời tạo khoảng xanh không gian mở, cải tạo môi trường vi khí hậu cho không gian toàn xã.

8.3. Định hướng tổ chức các khu sản xuất

8.3.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

a) Quy hoạch trồng trọt

- Khu vực phía Nam xã có quỹ đất khoảng 800ha dành cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng lúa, thuộc các ấp: Thanh Hòa và Thanh Thuận. Là khu vực canh tác lúa truyền thống của người dân, tuy nhiên để phù hợp với quá trình hình thành nền sản xuất hàng hóa dự kiến quy hoạch khu sản xuất lúa chuyên canh chất lượng cao với quy

mô khoảng 300ha, với phương thức liên kết chặt chẽ giữa các thành phần sản xuất và thị trường (liên kết 4 nhà).

- Ngoài ra, vùng sản xuất nông nghiệp còn nằm phân tán trên toàn xã với các loại cây trồng: hoa màu và cây ăn quả, được canh tác trên đất thổ vườn.

b) Quy hoạch phát triển chăn nuôi

Định hướng cho người dân phát triển đàn trâu, bò, heo, gia cầm, khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, dần chuyển biến theo hướng công nghiệp, quy mô lớn và an toàn sinh học.

c) Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản

- Mô hình nuôi cá ao, cá lồng bè mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã là 71,73ha. Hội nông dân xã đã thành lập được 1 câu lạc bộ “Nuôi trồng thủy sản” gồm hơn 50 thành viên.

- Tận dụng lợi thế nguồn nước từ sông Vàm Cỏ Đông và hệ thống kênh rạch, phát triển sản xuất nuôi trồng thủy sản. Phối hợp trạm khuyến nông của Huyện, tập huấn, hướng dẫn nông dân ứng dụng các tiến bộ KHKT, các giống mới vào chăn nuôi để tăng hiệu quả kinh tế.

d) Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất

Xã Thanh Điền quy hoạch 01 Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn dự kiến bố trí tại điểm dân cư số 1, trong dự án Khu dân cư – thương mại Thanh Điền 17,85ha tại khu đất văn hóa – TDTT, cây xanh – dự trữ phát triển. Tùy theo nhu cầu của địa phương sẽ bố trí vị trí và quy mô phù hợp. Dự kiến quy mô diện tích khoảng 0,5 – 1,0ha.

8.3.2. Quy hoạch sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp

- Cụm công nghiệp Thanh Điền đã được đầu tư xây dựng giai đoạn 1 với quy mô diện tích khoảng 28,59ha có 4 cơ sở đầu tư và tạo việc làm cho khoảng 7.000 lao động. Dự kiến đến năm 2035 sẽ kêu gọi đầu tư xây dựng mở rộng cụm công nghiệp giai đoạn 2 với quy mô 59,48ha.

- Giữ nguyên hiện trạng hoặc mở rộng các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hiện có trên địa bàn, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và bảo vệ môi trường. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề phục vụ phát triển kinh tế nông thôn.

- Di dời các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hiện hữu gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư và không phù hợp theo quy hoạch ngành vào cụm công nghiệp Thanh Điền.

8.3.3. Thương mại - dịch vụ

- Dự kiến đầu tư xây dựng khu vực sản xuất kinh doanh và các khu thương mại dịch vụ dọc tuyến đường ĐT.786 ở phía Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế xã, đáp ứng nhu cầu trao đổi và mua bán hàng hóa của người dân.

- Phát triển thương mại – dịch vụ tư nhân, xã hội hóa các hoạt động dịch vụ trong các điểm dân cư, tạo thêm công ăn, việc làm cũng như tăng thu nhập cho người dân.

9. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng 2. Quy hoạch sử dụng đất xã Thanh Điền qua các giai đoạn

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2021 (19.183 người)	QH đến năm 2030 (23.000 người)	QH đến năm 2035 (25.000 người)
-----	----------------------	-----------------------------------	-----------------------------------	-----------------------------------

		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)
1	Đất nông nghiệp	1911,52		1721,05		1664,73	
1.1	Đất trồng lúa	1201,60		1132,26		1115,64	
	<i>Đất trồng lúa nước</i>	1177,80		1123,21		1099,16	
1.2	Đất trồng cây hành năm khác	56,20		23,94		17,56	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	581,99		428,71		395,39	
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	71,73		71,74		71,74	
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,00		64,40		64,40	
2	Đất xây dựng	410,99	214,25	601,45	261,50	657,78	263,11
2.1	Đất ở	152,89	79,70	213,76	92,94	223,76	89,51
2.1.1	Đất ở hiện hữu	152,89	79,70	152,89	79,70	213,76	92,94
2.1.2	Đất ở quy hoạch mới	0,00	0,00	60,87	159,48	10,00	50,00
2.2	Đất công cộng	10,55	5,50	20,32	8,83	20,32	8,13
2.2.1	Trụ sở làm việc cơ quan xã	1,43		0,79		0,79	
2.2.2	Đất giáo dục	6,07		6,07		6,07	
	<i>Điểm, trường mầm non</i>	1,11		1,11		1,11	
	<i>Điểm, trường tiểu học</i>	2,69		2,69		2,69	
	<i>Trường trung học cơ sở</i>	2,27		2,27		2,27	
2.2.3	Đất trạm y tế	0,61		0,61		0,61	
2.2.4	Đất văn hóa, thể thao công cộng	2,23		9,13		9,13	
	<i>Nhà văn hóa</i>	0,90		4,80		4,80	
	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	0,32		0,32		0,32	
	<i>Đất khu vui chơi giải trí công cộng</i>	0,00		0,00		0,00	
	<i>Cụm công trình, sân bãi thể thao</i>	1,01		4,01		4,01	
2.2.5	Chợ, cửa hàng dịch vụ	0,19		1,32		1,32	
2.2.6	Buru điện	0,02		0,02		0,02	
2.2.7	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	0,00		2,38		2,38	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,00	0,00	9,78	4,25	11,50	4,60
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	8,48		8,49		8,49	
2.4.1	Đất tôn giáo	3,78		3,78		3,78	

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2021 (19.183 người)		QH đến năm 2030 (23.000 người)		QH đến năm 2035 (25.000 người)	
		Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)
2.4.2	Đất tín ngưỡng	4,12		4,12		4,12	
2.4.3	Đất di tích lịch sử	0,58		0,59		0,59	
2.5	Đất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, làng nghề	52,95		75,71		106,60	
2.5.1	Đất cụm công nghiệp	28,59		28,59		59,48	
2.5.2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	24,36		47,12		47,12	
2.6	Đất xây dựng chức năng khác	15,88		42,86		42,86	
2.6.1	Đất thương mại dịch vụ	15,88		39,86		39,86	
2.6.2	Đất trường THPT (xây mới)	0,00		3,00		3,00	
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	96,06		155,15		168,87	
2.7.1	Đất giao thông	82,97	43,25	130,38	56,69	144,10	57,64
	Đất giao thông đối nội	68,46		55,43		69,15	
	Đất giao thông đối ngoại	14,51		74,95		74,95	
2.7.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00		1,78		1,78	
2.7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	13,09		22,73		22,73	
2.7.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00		0,26		0,26	
2.8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	64,46		65,46		65,46	
	Thủy lợi	64,46		65,46		65,46	
2.9	Đất quốc phòng, an ninh	9,72		9,92		9,92	
2.9.1	Đất an ninh	9,72		9,92		9,92	
2.9.2	Đất quốc phòng	0,00		0,00		0,00	
3	Đất khác	98,70		98,70		98,70	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	98,70		98,70		98,70	
3.2	Đất chưa sử dụng	0,00		0,00		0,00	
	Tổng	2421,21		2421,21		2421,21	

10. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật xã Thanh Điền

10.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

10.1.1. Giao thông đối ngoại

- Quốc lộ 22B: thiết kế đường cấp II, lộ giới 65,5m bao gồm: mặt đường 15m, lề đường 3+3 m, nền đường 21m. Kết cấu: Bê tông nhựa.

- ĐT.786: thiết kế đường cấp III, lộ giới 45m bao gồm: mặt đường 7m, lề đường 2.5+2.5m, nền đường 12m. Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

- Đường ĐH.09 và đường ĐH.10: thiết kế đường cấp IV, lộ giới 30m bao gồm: mặt đường 7m, lề đường: 1+1m, nền đường 9m. Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

10.1.2. Giao thông đối nội

Các tuyến đường xã có chức năng kết nối các khu dân cư và vùng sản xuất ra đường huyện. Các tuyến này phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại sinh hoạt hàng ngày của người dân tại các làng, xã, thôn ấp. Được thiết kế đường cấp VI, lộ giới 17m bao gồm: mặt đường 5.5m, lề đường 1+1m, nền đường 7.5m. Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng, bê tông nhựa,...

Bảng 3. Thống kê các tuyến đường giao thông xã Thanh Điền

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Quy hoạch				Cấp đường
			Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Nền đường (m)	Lộ giới (m)	
HIỆN TRẠNG							
1	QL.22B - đoạn 1	3.320	15	2x3,0	21	65,5	II
	QL.22B - đoạn 2 (giáp ranh xã An Bình, tính 1/2 diện tích)	1.420					
2	ĐT.786	8.160	7	2x2,5	12	45	III
3	ĐH.09	2.160	7	2x1,0	9	30	IV
4	ĐH.10 (giáp ranh xã An Bình tính 1/2 diện tích)	3.570	7	2x1,0	9	30	IV
5	TĐ.01 - đoạn 1 (giáp ranh xã Thái Bình, tính 1/2 diện tích)	1.715	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
	TĐ.01 - đoạn 2	390					
6	TĐ.02	620	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
7	TĐ.05	2.560	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
8	TĐ.06	760	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
9	TĐ.08	2.420	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
10	TĐ.09	420	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
11	TĐ.12	1.640	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
12	TĐ.13	1.270	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
13	TĐ.14	1.395	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
14	TĐ.16	590	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
15	TĐ.17	1.280	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
16	TĐ.19	1.180	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
17	TĐ.19A	600	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
18	ĐX.01	770	5,5	2x1,0	7,5	17	VI

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Quy hoạch				Cấp đường
			Mặt đường (m)	Lề đường (m)	Nền đường (m)	Lộ giới (m)	
19	ĐX.02	1.090	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
20	ĐX.03	750	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
21	ĐX.04	380	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
QUY HOẠCH							
22	TĐ.12B	380	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
23	TĐ.15	1.360	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
24	TĐ.16A	990	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
25	TĐ.17A	1.600	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
26	TĐ.18	1.270	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
27	TĐ.19B	440	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
28	TĐ.20	2.590	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
29	TĐ.21	3.290	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
30	ĐX.01A	860	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
31	ĐX.02A	450	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
32	ĐX.05	990	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
33	ĐX.06	160	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
34	ĐX.07	280	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
35	ĐX.08	1.650	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
36	ĐX.09	2.250	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
37	ĐX.10	2.070	5,5	2x1,0	7,5	17	VI
38	ĐX.11	1.960	5,5	2x1,0	7,5	17	VI

10.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

10.2.1. Quy hoạch san nền

- Bám sát địa hình tự nhiên, tránh khối lượng đào đắp lớn, cao độ xây dựng cơ bản lấy theo cao độ tự nhiên, biện pháp san nền chủ yếu là san gạt cục bộ cho từng công trình xây dựng.

- Điểm dân cư số 1: $H_{xd} \geq 8,20m$.

- Điểm dân cư số 2: $H_{xd} \geq 7,15m$.

- Điểm dân cư số 3: $H_{xd} \geq 3,65m$.

- Điểm dân cư số 4: $H_{xd} \geq 4,30m$.

10.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Khu dân cư: xây dựng hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước được xây dựng bằng mương B600 - B1000, bố trí dọc theo các tuyến đường. Nước mưa theo các tuyến mương chính thoát ra ruộng hoặc thoát ra kênh rạch hiện hữu.

- Khu vực xây dựng công nghiệp, cụm công nghiệp: xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn và hoạt động theo chế độ tự chảy.

10.2.3. Quy hoạch hệ thống thủy lợi

- Trong khu vực xã có nhiều kênh thủy lợi cấp nước tưới cho vùng sản xuất nông nghiệp gồm: 14 tuyến kênh tưới tiêu từ nước thủy triều dài 21,08km và 2 tuyến kênh

bê tông xi măng với chiều dài: 1,79km. Nhìn chung, các công trình thủy lợi đã đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Giải pháp cho hệ thống thủy lợi:

+ Kè bê tông và nạo vét tuyến sông Vàm Cỏ Đông để đảm bảo việc vận chuyển hàng hóa, giao thương, đi lại cũng như phục vụ tưới tiêu cho toàn xã và các khu vực lân cận.

+ Tiến hành cải tạo và nạo vét các tuyến kênh bị bồi lắng, kiên cố hóa, cải tạo mở rộng kênh để tiêu thoát nước tốt hơn.

10.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn xã đến năm 2030 khoảng $Q = 5.750\text{m}^3/\text{ngđ}$ và đến năm 2035 khoảng $Q = 6.100\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Nguồn cấp nước sử dụng nguồn nước ngầm tại khu vực.

10.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước, xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

10.4.1. Thoát nước thải

- Tổng lượng nước thải toàn xã đến năm 2030 khoảng $Q = 3.900\text{m}^3/\text{ngđ}$ và đến năm 2035 khoảng $Q = 4.100\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Xây dựng hệ thống thu gom chung nước mưa và nước thải.

- Cụm công nghiệp tập trung xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng.

- Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa phải có hệ thống xử lý nước thải riêng và xử lý đạt chuẩn.

10.4.2. Quản lý chất thải rắn

- Tổng lượng chất thải rắn khoảng 40 tấn/ngày (sinh hoạt 25 tấn/ngđ và công nghiệp 15 tấn/ngđ).

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, rồi thu gom, đưa đến khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện Châu Thành.

10.4.3. Nghĩa trang nhân dân

Tiếp tục sử dụng nghĩa trang hiện hữu của xã tại ấp Thanh Hùng. Giai đoạn dài hạn, nâng cấp mở rộng nghĩa trang, quy mô khoảng 03ha.

10.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Tổng điện năng yêu cầu đến năm 2030 là 41,33 triệu kWh/năm và đến năm 2035 là 62,07 triệu kWh/năm.

- Tổng công suất điện yêu cầu đến năm 2030 là 13.777kW và đến năm 2035 là 20.691kW.

- Nguồn cấp điện cho xã Thanh Điền là nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến trung thế 22kV từ trạm biến thế 110/22 kV Suối Dộp -2x40MVA qua các tuyến 22kV đi trên các đường chính: Quốc lộ 22B, đường ĐT.786, đường ĐH.10.

10.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

- Số thuê bao cần thiết toàn xã đến năm 2030 khoảng 6.639 thuê bao và đến năm 2035 khoảng 7.529 thuê bao.

10.7. Hoàn thành việc phát triển mạng lưới các dịch vụ bưu chính trên địa bàn xã.

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn và tin cậy, có độ bao phủ rộng khắp.

- Các mạng viễn thông di động phát triển hệ thống thông tin di động thứ 4, 5, 6... (4,5,6G...) và các thế hệ tiếp sau. Phát triển các dịch vụ phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin và viễn thông, đáp ứng kịp thời nhu cầu trao đổi thông tin của toàn xã hội, thỏa mãn đời sống của người dân trong khu vực.

11. Quy hoạch chi tiết trung tâm xã

11.1. Vị trí, ranh giới, quy mô quy hoạch

a. Vị trí, ranh giới

- Theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Điền, khu trung tâm xã được xác định thuộc điểm dân cư số 1, tập trung các công trình hành chính, công cộng, thương mại – dịch vụ, văn hóa giáo dục và dân cư mật độ cao.

- Khu vực lập quy hoạch thuộc địa bàn các ấp Thanh Sơn và Thanh Hùng.

b. Quy mô quy hoạch

- Quy mô diện tích: khoảng 418.713m².

- Quy mô dân số: 3.500 người.

11.2. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

a. Tính chất

- Là khu dân cư và trung tâm xã hiện hữu cải tạo, chỉnh trang.

- Là khu trung tâm xã và khu dân cư tập trung kết hợp phát triển thương mại và dịch vụ, có các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo phục vụ nhu cầu cần thiết của người dân.

b. Thành phần chức năng

- Nhà ở.

- Công trình công cộng, thương mại – dịch vụ.

- Công viên cây xanh.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: giao thông, chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng, cấp nước, thoát nước thải - quản lý chất thải rắn - vệ sinh môi trường, cấp điện và thông tin liên lạc.

c. Quy hoạch sử dụng đất

a. Đất ở

- Tổng diện tích đất ở là 318.988m², chiếm 76,18% diện tích đất dân dụng, dung nạp khoảng 3.500 người.

- Đất ở chủ yếu là đất ở hiện hữu cải tạo, chỉnh trang.

- Nhà ở các tuyến đường chính: Nhà ở tập trung tại khu trung tâm, mật độ xây dựng cao, chủ yếu dọc hai bên các tuyến đường chính. Mật độ xây dựng 90 – 100%; Tầng cao trung bình 1 – 5 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,9 – 5,0.

- Nhà ở dạng vườn: Nhà ở phía sau các tuyến đường chính. Mật độ xây dựng 40 – 50%; Tầng cao trung bình 1 – 2 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,8 – 1,0.

b. Các công trình công cộng

- Tổng diện tích đất công cộng khoảng 66.966m², chiếm 15,99% diện tích đất dân dụng.

- Các công trình bao gồm: ủy ban nhân dân xã, trạm y tế, trung tâm văn hóa-thể thao-học tập cộng đồng, trung tâm thể dục thể thao, nhà văn hóa các ấp Thanh Sơn, và



Thanh Hùng, xây dựng kiên cố. Mật độ xây dựng 30 – 40%; tầng cao trung bình 1 – 3 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,3 – 1,2.

– Các công trình giáo dục gồm: trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Tổng diện tích 36.562m², xây dựng kiên cố, đạt chuẩn quốc gia. Mật độ xây dựng 40 – 50%; tầng cao 1 – 4 tầng; Hệ số sử dụng đất 0,4 – 2,0.

c. Đất tôn giáo

Đất tôn giáo gồm Thánh thất Thanh Điền, nhà thờ Phước Điền. Diện tích khoảng 16.716m². Mật độ xây dựng 50 – 60%; Tầng cao 1 – 3 tầng; Hệ số sử dụng đất 1,5 – 1,8.

d. Đất cây xanh

Tổng diện tích đất cây xanh khoảng 3.736m², đây là khu đất trụ nhọn hiện hữu được quy hoạch thành công viên cây xanh với quảng trường, bồn hoa, đường dạo tạo điểm nhấn cho khu trung tâm xã. Mật độ xây dựng 5 – 10%. Tầng cao ≤1 tầng. Hệ số sử dụng đất 0,05 – 0,1.

e. Đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông khoảng 11.502m². Tổ chức hệ thống giao thông dạng ô cờ thuận lợi lưu thông và kết nối với các khu vực xung quanh.

Bảng 2. Quy hoạch sử dụng đất trung tâm xã Thanh Điền

Stt	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Mật độ xây dựng %	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất
	Dân số (người)	3.500					
	Tổng cộng	418.713					
I	Đất dân dụng	401.192	95,82	114,63			
1	Đất ở	318.988	76,18	91,14	90 - 100	1 - 5	0,9 - 5,0
2	Đất công cộng	66.966	15,99	19,13	30 - 40	1 - 3	0,3 - 1,2
2.1	Trụ sở làm việc cơ quan xã	5.500	1,31	1,57	30 - 40	1 - 3	0,3 - 1,2
2.2	Đất giáo dục	36.562	8,73	10,45			
2.2.1	Điểm, trường mầm non	7.485	1,79	2,14	40 - 50	1 - 3	0,4 - 1,5
2.2.2	Điểm, trường tiểu học	6.414	1,53	1,83	40 - 50	1 - 3	0,4 - 1,5
2.2.3	Trường trung học cơ sở	22.663	5,41	6,48	40 - 50	1 - 4	0,4 - 2,0
2.3	Đất trạm y tế	6.100	1,46	1,74	30 - 40	1 - 3	0,3 - 1,2
2.4	Đất văn hóa, thể thao công cộng	18.804	4,49	5,37	30 - 40	1 - 3	0,3 - 1,2
2.4.1	Nhà văn hóa	721	0,17	0,21	30 - 40	1 - 3	0,3 - 1,2
2.4.2	Đất sinh hoạt cộng đồng	12.830	3,06	3,67	30 - 40	1 - 3	0,3 - 1,2
2.4.3	Cụm công trình, sân bãi thể thao	5.253	1,25	1,50	30 - 40	1 - 2	0,3 - 0,8
3	Đất cây xanh	3.736	0,89	1,07	5 - 10	1	0,05 - 0,1
4	Đất giao thông đối nội	11.502	2,75	3,29			

Stt	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Mật độ xây dựng %	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất
II	Đất ngoài dân dụng	17.521	4,18	5,01			
1	Đất tôn giáo	16.716	3,99	4,78	50 - 60	1 - 3	1,5 - 1,8
2	Đất nghĩa trang	805	0,19	0,23			

d. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã

d.1. Quy hoạch giao thông

– Các tuyến đường xã: có chức năng kết nối các khu dân cư và vùng sản xuất ra các tuyến đường huyện. Đoạn đi qua khu dân cư được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị có mặt đường 8m, vỉa hè 2x4.5m, lộ giới 17m.

– Đường nội bộ: Các tuyến đường nội bộ được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị có mặt đường 6m, vỉa hè 2x3m, lộ giới 12m.

d.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- San nền
 - Cao độ xây dựng bám sát địa hình tự nhiên.
 - Giải pháp san nền chủ yếu là san gạt cục bộ cho từng công trình xây dựng.
- Thoát nước mưa
 - Xây dựng hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt.
 - Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng bằng cống hoặc mương có nắp đan, bố trí dọc theo các tuyến đường trong khu dân cư thu nước mưa từ công trình và mặt đường thoát ra các kênh rạch hiện hữu.
 - Hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thoát nước tốt không gây ngập úng trên các tuyến đường.

d.3. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước trung tâm xã: $Q = 2.800 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn nước cung cấp cho xã Thanh Điền được đầu nối từ đường ống cấp nước trên đường ĐT.786, kết hợp với trạm cấp nước hiện hữu và nguồn nước ngầm từ giếng khoan của người dân.

d.4. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Tổng lưu lượng thoát nước thải trung tâm xã $Q = 1.800 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nước thải tại các điểm dân xây dựng hệ thống thu gom chung nước mưa và nước thải. Nước thải tại các công trình sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn xả ra hệ thống mương nắp đan thoát nước mưa chạy dọc theo các tuyến đường.
- Các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế,.. phải có hệ thống xử lý nước thải riêng và xử lý đạt chuẩn.
- Chất thải rắn khoảng 14 tấn/ngày, tổ chức thu gom tại hộ gia đình và công trình, sau đó được vận chuyển tới bãi xử lý chung của Huyện.

– Nghĩa trang: sử dụng nghĩa trang chung của xã.

d.5. Quy hoạch cấp điện

- Tổng điện năng yêu cầu 4,19 triệu kWh/năm
- Tổng công suất điện yêu cầu 1.395 kW

– Nguồn cấp điện cho Xã là nguồn điện lưới quốc gia qua tuyến 22kV địa phương đến.

– Từ tuyến trung thế 22kV hiện hữu khu vực, dự kiến xây dựng mới các tuyến đường dây không 22kV cấp điện cho khu quy hoạch.

d.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

– Số lượng thuê bao toàn xã: 963 thuê bao.

– Hệ thống hạ tầng viễn thông cung cấp cho Xã là hệ thống được ghép nối với mạng viễn thông huyện.

– Hệ thống nội bộ là một mạng viễn thông (mạng điện thoại, internet, mạng tivi,...) đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông cho xã.

Điều 2. Chủ tịch UBND xã Thanh Điền tổ chức công bố công khai nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Điền cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan và nhân dân biết thực hiện theo quy hoạch, chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính-Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT-HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CV;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thành Trung